

TÊN CỦA NĂM

Tên của năm âm lịch gồm 2 thành phần một là tên can đứng trước, có 10 can, sau 10 năm thì tên can lặp lại. Tên can của năm từ quy luật ngũ vận, trải hai vòng ngũ vận mà thành, lại theo nhịp 10 thiên can tương ứng với biến đổi công năng tạng phủ con người. Về ngũ vận và thập thiên can ta sẽ tìm hiểu kỹ ở trong các chương sau. Tên và thứ tự 10 năm thiên can là: Giáp-Ất-Bính-Đinh-Mậu-Kỷ-Canh-Tân-Nhâm-Quý. Hai là tên chi đứng sau, có 12 địa chi, sau 12 năm thì tên chi lặp lại. Tên chi của năm từ quy luật lục khí, trải hai vòng lục khí mà thành. Về lục khí và 12 địa chi ta sẽ tìm hiểu kỹ ở trong các chương sau. Tên và thứ tự 12 năm địa chi là: Tý-Sửu-Dần- Mão-Thìn-Tỵ-Ngọ- Mùi-Thân-Dậu-Tuất-Hợi. Sự hỗn hợp tên can và tên chi vào các năm cứ trải qua 60 năm thì lặp lại, bắt đầu ở Giáp Tý, kết thúc ở Quý Hợi. Việc định một năm nào đó có can gì, chi gì phải do tình hình khí hậu trong các quy luật ngũ vận, lục khí mà có, không phải do tùy tiện đặt ra.

TƯƠNG ƯNG GIỮA NĂM DƯƠNG LỊCH VÀ NĂM CAN CHI

Mỗi một năm can chi ứng với một năm dương lịch, cứ qua 60 năm dương lịch thì tên can chi lặp lại, sáu mươi năm âm lịch gọi là lục thập hoa giáp. Lục thập hoa giáp lại chia ra làm sáu tuần, mỗi tuần khởi đầu bằng năm can giáp, như giáp tý tuần, giáp tuất